

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-02-2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Quý

Bà Nguyễn Thị Luận

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày **19** tháng **02** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **NTHT**, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **HVT1**, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Chị NTHT và anh HVT1 đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị NTHT trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh HVT1 kết hôn năm 2013 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh T1 một thời gian ngắn thì chị có thai, sau khi chị có thai chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Chương Mỹ để ở vì nhà bố mẹ đẻ chị cũng không xa và chị vẫn đi lại giữa hai bên gia đình

Quá trình chung sống, giữa chị và anh T1 thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 10/2018, chị về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh HVT1 có 01 con chung là cháu HTL, sinh ngày 15/12/2014, hiện cháu L đang ở cùng với anh T1 và gia đình anh T1. Lý do cháu L hiện đang ở cùng anh T1 là do tháng 10/2018, bố mẹ chị công tác trong Sài Gòn, chị cũng đi công tác trong Sài Gòn thời điểm đó nên chị đưa cháu L đi cùng do lúc đó cháu chưa đi học tiểu học. Trong thời gian đó, anh T1 có vào thăm chị và con 02 lần, mỗi lần khoảng 3 ngày. Đến tháng 5/2019, chị cho cháu L về gia đình anh T1 chơi theo nguyện vọng của gia đình anh T1, hai bên thống nhất cho cháu về chơi khoảng 01 tháng. Đến tháng 6/2019, bố chị đến đón cháu nhưng anh T1 và gia đình không cho đón cháu L nên hiện cháu L vẫn đang ở với anh T1 và gia đình anh T1 từ đó cho đến nay. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị hiện đi làm, có thu nhập ổn định khoảng 15.000.000đ/tháng nên có đủ khả năng nuôi dưỡng cháu, bản thân cháu là cháu gái nên cần có sự chăm sóc của mẹ.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn - Anh HVT1 trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị NTHT kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau cùng với gia đình nhà anh tại huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống, anh thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị T đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh thừa nhận, anh và chị NTHT có 01 con chung là HTL, sinh ngày 15/12/2014. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu L, hiện cháu L đang ở ổn định cùng với anh và gia đình. Nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại anh đang làm công việc lái xe và làm thêm công ty xây dựng, thu nhập khoảng 20 triệu/01 tháng nên đủ điều kiện chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị NTHT và anh HVT1 thống nhất thuận tình ly hôn; **Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:** Chị NTHT và anh HVT1 thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị NTHT và anh HVT1 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung là cháu HTL, sinh ngày 15/12/2014 và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng Dân sự; Các đương sự: Chị NTHT và anh HVT1 đã chấp hành đúng qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NTHT và anh HVT1; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu HTL, sinh ngày 15/12/2014 cho anh HVT1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu HTL tròn 18 tuổi. Chị NTHT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị NTHT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh HVT1 hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị NTHT và anh HVT1 kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 09/12/2013 nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị T thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, đến tháng 10/2018 thì chị T về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Anh HVT1 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1 để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị NTHT và anh HVT1 có 01 con chung là cháu HTL, sinh ngày 15/12/2014. Hiện cháu HTL đang sống cùng anh T1 và gia đình. Ly hôn, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu HTL.

Xét thấy, Chị NTHT và anh HVT1 đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung là cháu HTL. Tuy nhiên, cháu HTL hiện đang sinh sống ổn định với anh T1 và gia đình anh T1. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt đối với cháu L nên cần giao cháu L cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu HTL đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Mặt khác, khoảng cách giữa nhà anh T1 và nhà bố mẹ chị T không xa nên việc giao con chung là cháu L cho anh T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng không ảnh hưởng đến quyền thăm nom, chăm sóc con chung của chị T.

Chị NTHT có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh HVT1 không yêu cầu chị NTHT cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của anh T1 nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh T1. Chị NTHT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị NTHT và anh HVT1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị NTHT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị NTHT và anh HVT1.

2. Về con chung: Chị NTHT và anh HVT1 có 01 con chung là cháu HTL, sinh ngày 15/12/2014.

Giao cháu HTL, sinh ngày 15/12/2014 cho anh HVT1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu HTL đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị NTHT có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị NTHT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị NTHT cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị NTHT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị NTHT đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004481 ngày 26 tháng 12 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị NTHT và anh HVT1 có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long